TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 19/5/2022
Về việc: ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đông Hà
2. Ông Nguyễn Văn Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 19/5/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/01/2022 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2022/QĐST-DS ngày 28/4/2022 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Chị Cao Thị T, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: khu vực A, phường B, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: ấp B, xã Vĩnh T, huyện Vị Th, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 01 năm 2022 nguyên đơn chị Cao Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu chị và anh Nguyễn Văn B chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì

phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống không còn hạnh phúc nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thúy Q, sinh ngày 18/7/2002 và Nguyễn Cao Mỹ T, sinh ngày 30/12/2009. Hiện con chung đang sống với chị Cao Thị T. Khi ly hôn chị Cao Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chưa thành niên là Nguyễn Cao Mỹ T, không yêu cầu anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng. Đối với Nguyễn Thị Thúy Q đã trưởng thành nên không có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Cao Thị T đã nộp cho Tòa án trích lục kết hôn, bản sao giấy chứng minh nhân dân, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao giấy khai sinh con chung, đơn xin xác nhận. Ông Nguyễn Văn B không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng có tổ chức lễ cưới và sinh sống tại địa phương. Thời gian chung sống chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn B có 02 con chung là Nguyễn Thị T Quyên và Nguyễn Cao Mỹ Trân. Thời gian sinh sống tại địa phương chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn B không xảy ra tranh chấp về tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn B thì địa phương không rõ.

Tại phiên tòa chị Cao Thị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên là Nguyễn Cao Mỹ Trân, không yêu cầu cấp dưỡng, về tài sản và nợ chung không có. Bị đơn đơn anh Nguyễn Văn B vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các bên đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Giao con chưa thành niên cho chị Cao Thị T nuôi dưỡng, đối với con đã trưởng thành không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn B theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tạo điều kiện để cho chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn B hòa giải với nhau nhưng không mang lại kết quả và anh chị cũng đã ly thân. Xét thấy hôn nhân phải dựa trên sự tự nguyện và phải có sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Nhưng đối với hôn nhân của chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn B đã phát sinh mâu thuẫn và không còn sự yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cho chị Cao Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

Do hôn nhân của chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn B được xác lập vào năm 2001 nên Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 và các Điều 11, 89 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 để giải quyết.

[3]. Về con chung: Chị Cao Thị T yêu cầu được nuôi con chung chưa thành niên là Nguyễn Cao Mỹ T1. Xét thấy từ khi chị Cao Thị T và anh Nguyễn Văn B ly thân đến nay cháu Trân sống với chị Cao Thị T. Theo biên bản ghi ý kiến của cháu Nguyễn Cao Mỹ Trân cũng có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó để ổn định cuộc sống hiện tại cho cháu, Hội đồng xét xử giao cháu cháu Nguyễn Cao Mỹ Trân cho chị Cao Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. đối với con chung đã trưởng thành không xem xét.

Anh Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không

được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[4]. Do chị Cao Thị T không có yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi có yêu cầu chị Cao Thị T có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định là không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Đương sự còn phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án và được kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 6, khoản 7 Điều 28, các Điều 35, 39, 91, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 81, 82, 83, 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị T. Chị Cao Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Cao Mỹ T1 sinh ngày 30/12/2009 cho chị Cao Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn B chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con đã trưởng thành không xem xét.

Anh Nguyễn Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn chị Cao Thị T phải nộp số tiền là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*), được chuyển từ tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu tiền số 0002675 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vị Thủy thành án phí, chị Cao Thị T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục TAHDS huyện Vị Thủy;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- UBND xã Tân Tiến, tp. Vị Thanh;
- Cổng TTĐT (để công bố);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thị Mỹ Trúc